

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-12-2024

V/v: “Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Ông Quách Hà Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D; Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn P, xã C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2 Bị đơn: Chị Lê Thị T; Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 1, trại giam số 6, Cục C10, Bộ Công an.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị P; Sinh năm: 1956

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh và chị Lê Thị T trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 60/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2017 của TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Lê P, sinh ngày 01/01/2009.

Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Tuy nhiên, năm 2022 chị T đã có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xử phạt 7 năm 6 tháng tù theo bản án số 68/2023/HS-ST, ngày 05/9/2023. Hiện tại, chị T đang phải chấp hành án phạt tù, cháu P do bà ngoại là Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2024, chị Lê Thị T trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 60/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2017 của TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa thì: Chị và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê P, sinh ngày 01/01/2009 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tuy nhiên, hiện tại chị đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Chị đồng ý giao con cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.

Do hiện nay cháu P đang ở cùng mẹ chị là bà Nguyễn Thị P và đang học cấp 3 tại huyện T nên chị mong muốn anh D để cháu P tiếp tục học hết 3 năm cấp 3, đồng thời anh D có trách nhiệm chu cấp tiền ăn học cho cháu P.

Tại biên bản lấy lời khai 12/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Lê Thị T. Trước đây, chị T và anh D là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Khi ly hôn chị T và anh D thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Lê P, sinh ngày 01/01/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, chị T đi chấp hành án phạt tù, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Do bà đang ở cùng con trai và con dâu, tuổi cũng đã cao còn phải trông nom thêm 1 cháu nội nên điều kiện sinh hoạt của gia đình cũng rất vất vả, không thể chăm sóc tốt cho cháu P. Do đó, bà đồng ý giao cháu P cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 71, Điều 81, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê P, sinh ngày 01/01/2009 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị T

và bà P xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Tòa án mở phiên họp vắng mặt chị T, bà P và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị T, bà P theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh D và chị T có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa anh D, chị T và bà P vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[5]. Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Nguyễn Văn D:

Anh D và chị T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 60/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2017 của TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Về việc nuôi con sau khi ly hôn: Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê P, sinh ngày 01/01/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Tuy nhiên, hiện tại chị T đang phải chấp hành án phạt tù với mức hình phạt 07 năm 06 tháng nên không thể chăm sóc con, cháu P đang do mẹ ruột của chị T là bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị T bị bắt tạm giam (Năm 2022) đến nay. Bà P hiện nay đã gần 70 tuổi, lại đang ở cùng với vợ chồng người con trai và đang phải trông coi, chăm sóc thêm 1 cháu nội nên điều kiện sinh hoạt của cả gia đình rất vất vả. Đến nay, cả anh D, chị T và bà P đều đồng ý để anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, bản thân cháu P cũng có nguyện vọng được ở với bố. HĐXX xét thấy việc giao cháu P cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là rất cần thiết để đảm bảo cho việc học tập và sinh hoạt của cháu, đồng thời cũng phù hợp với quy định tại các Điều 71, 81 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D.

[6]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của anh D được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 71, khoản 2 Điều 81 và khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê P, sinh ngày 01/01/2009 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh D được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: BLTU/23/0002386, ngày 09/10/2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh D, chị T và bà P. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc